TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 503/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 21 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 339/2023/HNST ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1987; địa chỉ: D, đường I, phường T, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Ông Lê Thanh L, sinh năm 1986; địa chỉ: D, đường I, phường T, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh L và bà Trần Thị Thu H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01/2010 đăng ký ngày 31/3/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên đây là hôn nhân hợp pháp; do đó, khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống, giữa ông Lê Thanh L và bà Trần Thị Thu H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng khác biệt, bất đồng về quan điểm sống. Cả hai đã cùng nhau khắc phục, nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm, không chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được,

không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ; cả hai yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà H và ông L không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (Bản sao) số 154/2011 Quyển số 01/2011, ngày 14/7/2011 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy khai sinh (Bản sao) số 97/2015 quyển số 01/2015, ngày 15/4/2015 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của ông Lê Thanh L và bà Trần Thị Thu H, ông bà có 02 (hai) con chung, họ và tên: Lê Trần Bảo T (nữ), sinh ngày 03/7/2011 và Lê Nguyên K (nam), sinh ngày 03/4/2015.

Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung; ghi nhận sự tự nguyện của ông L, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Thu H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự giải quyết, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Lê Thanh L và bà Trần Thị Thu H chịu lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh L và bà Trần Thị Thu H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 32, Quyển số 01/2010 đăng ký ngày 31/3/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.2. Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (Bản sao) số 154/2011, Quyển số 01/2011, ngày 14/7/2011 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy khai sinh (Bản sao) số 97/2015, Quyển số 01/2015, ngày 15/4/2015 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

cùng lời thừa nhận của ông Lê Thanh L và bà Trần Thị Thu H, ông bà có 02 (hai) con chung, họ và tên: Lê Trần Bảo T (nữ), sinh ngày 03/7/2011 và Lê Nguyên K (nam), sinh ngày 03/4/2015. Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung; ghi nhận sự tự nguyện của ông L, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Thu H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) ông Lê Thanh L và bà Trần Thị Thu H chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0036976 ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Thanh L và bà Trần Thị Thu H đã nộp đủ.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong